



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất vào ngày 06 tháng 11 năm 2012 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở được đặt tại số 4, đường 30/04, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 167.058.100.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số 63B – 65B, đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh 2 Tp. Hồ Chí Minh lô B16/I, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 3 số 11/3, Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm: Lô G – Trung tâm thương mại Cái Khế, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội số 26N, 7A Khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
- Chi nhánh số 3 Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương số 22, đường số 2, KCN Việt Nam – Singapore II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Cửu Long 2 số 66 A, Nguyễn Tấn Thành, khóm 3, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cửu Long 5 số 135, Nguyễn Trãi, phường 9, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Tây Ninh số 59B, Nguyễn Thái Học, khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Khu vực đồng bằng số 164, tỉnh lộ 854, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Kiên Giang số 378, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Chi nhánh Đà Nẵng, số 423 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- Mua bán dược liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Trần Thị Đào	Chủ tịch HĐQT	
Ông Trần Thái Hoàng	Thành viên HĐQT	14/04/2012
Ông Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên HĐQT	
Ông Phan Hoàng Minh Trí	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Kiêm Phương	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT	
Ông Ngô Minh Tuấn	Thư ký HĐQT	

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Trần Thị Đào	Tổng Giám đốc		
Ông Trần Thái Hoàng	Phó Tổng Giám đốc		08/05/2012
Ông Nguyễn Quốc Định	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Huỳnh Văn Nhung	Phó Tổng Giám đốc	15/05/2012	

Ông Trần Thái Hoàng thôi chức danh Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 22A/NQ-HĐQT-IMEX ngày 14 tháng 04 năm 2012 và thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT-IMEX ngày 08 tháng 05 năm 2012.

Ông Huỳnh Văn Nhung được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT-IMEX ngày 15 tháng 05 năm 2012.

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Cao Lãnh, ngày 26 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CN. Nguyễn Quốc Định



Số: 13.118/BCKT-DTL.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 32 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2013


TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN


DIỆP LỆ BÌNH
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		547.353.277.519	566.759.037.166
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	122.127.216.023	140.281.015.336
1. Tiền	111		23.390.216.023	82.981.015.336
2. Các khoản tương đương tiền	112		98.737.000.000	57.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	6.852.998.250	3.034.744.538
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.420.376.920	6.770.259.770
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(6.567.378.670)	(3.735.515.232)
III. Các khoản phải thu	130	5.3	202.182.979.853	194.274.758.362
1. Phải thu khách hàng	131		197.655.839.401	175.764.621.814
2. Trả trước cho người bán	132		9.285.259.237	27.026.418.846
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.093.036.141	1.479.066.630
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(10.851.154.926)	(9.995.348.928)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	208.206.113.499	222.399.783.739
1. Hàng tồn kho	141		211.432.941.243	224.083.511.919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.226.827.744)	(1.683.728.180)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.983.969.894	6.768.735.191
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.825.602	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.350.355.962	3.973.832.711
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		85.394.087	85.394.087
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	4.546.394.243	2.709.508.393

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		314.257.580.041	260.930.015.998
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		269.737.803.586	213.029.696.465
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	187.205.647.037	150.427.924.834
+ Nguyên giá	222		332.996.993.286	265.024.967.914
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.791.346.249)	(114.597.043.080)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	60.780.407.955	57.935.497.787
+ Nguyên giá	228		64.057.943.259	60.652.480.895
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.277.535.304)	(2.716.983.108)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	21.751.748.594	4.666.273.844
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	29.928.534.700	33.039.734.700
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		23.139.676.700	19.810.876.700
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.778.858.000	16.368.495.900
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(3.990.000.000)	(3.139.637.900)
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.591.241.755	14.860.584.833
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	14.591.241.755	14.860.584.833
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		861.610.857.560	827.689.053.164

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		147.428.003.548	118.671.482.838
I. Nợ ngắn hạn	310		134.751.003.548	116.643.883.532
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	3.500.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.11	64.398.444.317	20.698.843.678
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	9.764.881.040	17.532.723.983
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	6.451.015.585	12.892.684.065
5. Phải trả người lao động	315		19.334.808.601	16.655.427.953
6. Chi phí phải trả	316	5.13	28.957.870.223	31.326.117.429
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	2.730.634.894	5.223.670.917
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.15	3.113.348.888	8.814.415.507
II. Nợ dài hạn	330		12.677.000.000	2.027.599.306
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.177.000.000	1.177.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	850.599.306
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		11.500.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		714.182.854.012	709.017.570.326
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	714.182.854.012	709.017.570.326
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		167.058.100.000	152.145.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		315.192.059.609	330.105.159.609
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.420.789.142	2.420.789.142
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.838.266.000)	(2.209.806.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(136.176.902)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		166.419.364.850	143.395.558.901
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.214.500.000	14.191.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		59.716.306.411	69.106.045.576
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		861.610.857.560	827.689.053.164

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		541.266.689	541.266.689
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		467.220,03	900.747,69
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Cao Lãnh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CN. Nguyễn Quốc Định

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	819.691.306.544	777.097.692.219
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.569.595.135	732.661.209
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	818.121.711.409	776.365.031.010
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	440.517.319.493	388.430.122.215
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		377.604.391.916	387.934.908.795
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.726.523.632	12.940.964.977
7. Chi phí tài chính	22	6.4	7.549.624.965	7.177.859.476
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		529.808.379	722.582.372
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	215.485.271.431	234.582.263.339
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	61.196.864.880	48.097.690.050
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105.099.154.272	111.018.060.907
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.649.214.060	4.368.825.539
12. Chi phí khác	32	6.8	4.113.068.026	4.899.123.683
13. Lợi nhuận khác	40		(1.463.853.966)	(530.298.144)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		103.635.300.306	110.487.762.763
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	26.021.593.895	32.881.717.187
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		77.613.706.411	77.606.045.576
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.16	5.016	5.333

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

Cao Lãnh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Định

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		103.635.300.306	110.487.762.763
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		32.802.613.766	28.350.314.563
Các khoản dự phòng	03		6.081.131.100	(898.336.324)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(530.785.550)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.478.266.414)	(7.579.165.129)
Chi phí lãi vay	06		529.808.379	722.582.372
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		133.039.801.587	131.083.158.245
Tăng, giảm các khoản phải thu				
Tăng, giảm hàng tồn kho	09		(10.391.518.050)	14.310.513.219
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.650.570.676	(50.726.125.229)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	11		27.196.190.459	(37.867.496.993)
Tiền lãi vay đã trả	12		267.517.476	(387.332.677)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13		(529.808.379)	(722.582.372)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(37.635.913.948)	(32.842.419.734)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		300.000.000	639.615.386
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.565.912.999)	(25.468.636.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		116.330.926.822	(1.981.307.033)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(75.021.553.566)	(30.449.380.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		547.338.433	1.168.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		389.520.750	51.640.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.828.800.000)	(300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.050.000.000	1.628.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.356.602.338	8.887.097.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(69.506.892.045)	(19.013.661.381)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	98.201.510.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(9.628.460.000)	(2.209.806.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	8.072.068.875
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.500.000.000)	(19.187.451.125)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(51.855.115.710)	(34.421.716.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.983.575.710)	50.454.605.073
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(18.159.540.933)	29.459.636.659
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		140.281.015.336	111.006.558.369
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.741.620	(185.179.692)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		122.127.216.023	140.281.015.336

Cao Lãnh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

KT. **TỔNG GIÁM ĐỐC**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CN. Nguyễn Quốc Định



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất vào ngày 06 tháng 11 năm 2012 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại số 4, đường 30/04, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 167.058.100.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số 63B – 65B, đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
 - Chi nhánh 2 Tp. Hồ Chí Minh lô B16/I, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 3 số 11/3, Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm: Lô G – Trung tâm thương mại Cái Khế, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
 - Chi nhánh Hà Nội số 26N, 7A Khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
 - Chi nhánh số 3 Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương số 22, đường số 2, KCN Việt Nam – Singapore II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Cửu Long 2 số 66 A, Nguyễn Tấn Thành, khóm 3, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
 - Chi nhánh Cửu Long 5 số 135, Nguyễn Trãi, phường 9, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Tây Ninh số 59B, Nguyễn Thái Học, khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Khu vực đồng bằng số 164, tỉnh lộ 854, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Kiên Giang số 378, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
 - Chi nhánh Đà Nẵng, số 423 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.
- Đầu tư tài chính

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc.
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người.
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- Mua bán dược liệu.
- Đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

- Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	06 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 08 năm
+ Bản quyền phần mềm máy tính	03 năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: các quỹ được trích lập và sử dụng theo điều lệ Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	325.563.493	399.692.456
Tiền gửi ngân hàng	23.064.652.530	82.581.322.880
Các khoản tương đương tiền	98.737.000.000	57.300.000.000
Tổng cộng	122.127.216.023	140.281.015.336

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	11.070.376.920	5.870.259.770
Đầu tư ngắn hạn khác	2.350.000.000	900.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	13.420.376.920	6.770.259.770
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.567.378.670)	(3.735.515.232)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	6.852.998.250	3.034.744.538

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	12.000	356.433.290	24.570	729.800.000
Công ty Cổ Phần XNK Y Tế Domesco	29.250	2.245.846.770	29.250	2.245.846.770
Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	3.199	239.510.000	3.199	239.510.000
Công ty Cổ Phần Bông Bạch Tuyết	10.000	239.465.000	10.000	239.465.000
Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn	11.580	445.383.960	12.000	461.538.000
Quỹ đầu tư chứng khoán VF1	50.000	1.954.100.000	50.000	1.954.100.000
Công ty Cổ Phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	50.000	5.589.637.900	-	-
Cộng	166.029	11.070.376.920	129.019	5.870.259.770

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC:

- Về số lượng: do Công ty bán 12.570 cổ phiếu.
- Về giá trị: giảm 373.366.710 đồng do bán 12.570 cổ phiếu.

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty Cổ Phần Hóa - Dược phẩm Mekophar:

- Về số lượng: do chuyển 50.000 cổ phiếu Mekophar từ dài hạn sang ngắn hạn.
- Về giá trị: tăng 5.589.637.900 đồng do chuyển cổ phiếu từ dài hạn qua ngắn hạn.

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn

- Về số lượng: do Công ty bán 420 cổ phiếu.
- Về giá trị: giảm 16.154.040 đồng do bán 420 cổ phiếu.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Dược Phẩm OPC	-	-	24.570	(71.324.000)
Công ty Cổ Phần XNK Y Tế Domesco	29.250	(1.397.596.770)	29.250	(1.634.521.770)
Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	3.199	(5.983.000)	3.199	(60.366.000)
Công ty Cổ Phần Bông Bạch Tuyết	10.000	(239.465.000)	10.000	(239.465.000)
Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn	11.580	(173.196.000)	12.000	(120.738.462)
Quỹ đầu tư chứng khoán VF1	50.000	(1.414.100.000)	50.000	(1.609.100.000)
Công ty Cổ Phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	50.000	(3.337.037.900)	-	-
Cộng	154.449	(6.567.378.670)	129.019	(3.735.515.232)

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	197.655.839.401	175.764.621.814
Trả trước cho người bán	9.285.259.237	27.026.418.846
Các khoản phải thu khác	6.093.036.141	1.479.066.630
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	213.034.134.779	204.270.107.290
Dự phòng phải thu khó đòi	(10.851.154.926)	(9.995.348.928)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	202.182.979.853	194.274.758.362

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải thu bán hàng cho các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	6.944.814.539	6.944.814.539
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Giang	-	548.570
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	48.785.443	134.601.502
Tổng cộng – xem thêm mục 8	6.993.599.982	7.079.964.611

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền hàng Sandoz	4.250.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	727.095.330	408.690.594
Phải thu thuế TNCN	247.066.310	420.223.671
Phải thu khác	868.874.501	650.152.365
Cộng	6.093.036.141	1.479.066.630

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	124.873.197.156	144.453.427.365
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	10.452.925.537
Thành phẩm	84.876.828.053	65.037.633.781
Hàng hóa	1.682.916.034	3.751.360.131
Hàng gửi bán	-	388.165.105
Cộng giá gốc hàng tồn kho	211.432.941.243	224.083.511.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.226.827.744)	(1.683.728.180)
Giá trị thuần có thể thực hiện	208.206.113.499	222.399.783.739

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 1.543.099.564 đồng do nguyên liệu cận hạn chưa sử dụng.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Đây là khoản tạm ứng tiền mua hàng, tạm ứng chi phí công tác của nhân viên Công ty.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	96.101.901.791	126.571.905.853	38.069.486.092	3.025.013.482	1.256.660.696	265.024.967.914
Mua trong năm	4.745.277.088	9.492.302.435	16.065.304.311	4.334.618.954	-	34.637.502.788
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.691.481.630	24.022.750.708	-	-	-	34.714.232.338
Thanh lý, nhượng bán	-	(157.733.832)	(990.596.077)	(231.379.845)	-	(1.379.709.754)
Số dư cuối năm	111.538.660.509	159.929.225.164	53.144.194.326	7.128.252.591	1.256.660.696	332.996.993.286
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	38.724.990.591	60.858.970.693	11.252.524.235	2.511.813.778	1.248.743.783	114.597.043.080
Khấu hao trong năm	7.563.371.559	18.118.699.249	6.242.155.408	313.360.859	4.474.495	32.242.061.570
Thanh lý, nhượng bán	-	(157.733.333)	(700.995.577)	(189.029.491)	-	(1.047.758.401)
Số dư cuối năm	46.288.362.150	78.819.936.609	16.793.684.066	2.636.145.146	1.253.218.278	145.791.346.249
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	57.376.911.200	65.712.935.160	26.816.961.857	513.199.704	7.916.913	150.427.924.834
Tại ngày cuối năm	65.250.298.359	81.109.288.555	36.350.510.260	4.492.107.445	3.442.418	187.205.647.037

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 66.541.753.652 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	59.831.157.960	821.322.935	60.652.480.895
Tăng trong năm	2.785.000.000	620.462.364	3.405.462.364
Số dư cuối năm	62.616.157.960	1.441.785.299	64.057.943.259
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.920.388.723	796.594.385	2.716.983.108
Khấu hao trong năm	548.682.492	11.869.704	560.552.196
Số dư cuối năm	2.469.071.215	808.464.089	3.277.535.304
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	57.910.769.237	24.728.550	57.935.497.787
Tại ngày cuối năm	60.147.086.745	633.321.210	60.780.407.955

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Xây dựng trụ sở chính văn phòng công ty	2.076.695.917	9.954.703.768	1.338.316.364	10.693.083.321
Công trình xưởng cơ điện nhà máy Cepha-Binh Dương	1.655.032.472	38.631.389.437	39.103.694.636	1.182.727.273
Hệ thống cấp ngầm	934.545.455	3.769.729.697	4.704.275.152	-
Đường ống cấp nước tinh khiết	-	781.510.750	781.510.750	-
Triển khai phần mềm SAP	-	9.875.938.000	-	9.875.938.000
Tổng cộng	4.666.273.844	63.013.271.652	45.927.796.902	21.751.748.594

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	23.139.676.700	19.810.876.700
Đầu tư dài hạn khác	10.778.858.000	16.368.495.900
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	33.918.534.700	36.179.372.600
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.990.000.000)	(3.139.637.900)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	29.928.534.700	33.039.734.700

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm	
	Tỉ lệ	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	26%	-	182.000.000	-	182.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	25.5%	561.000	14.288.996.700	561.000	14.288.996.700
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	29.48%	586.620	8.668.680.000	253.740	5.339.880.000
Cộng		1.147.620	23.139.676.700	814.740	19.810.876.700

Lý do thay đổi các khoản đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết:

- Về số lượng: tăng do mua 332.880 cổ phiếu Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar.
- Về giá trị: tăng 3.328.800.000 do mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	551.304	10.778.858.000	596.355	16.368.495.900
Cộng	551.304	10.778.858.000	596.355	16.368.495.900

Lý do thay đổi với các khoản đầu tư vào loại cổ phiếu:

- Về số lượng: giảm do chuyển 50.000 cổ phiếu Mekophar từ dài hạn qua ngắn hạn, tăng 4.949 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu của Ngân hàng Phương Nam và Công ty Dược Vidiphar.
- Về giá trị: giảm 5.589.637.900 đồng do chuyển cổ phiếu từ dài hạn qua ngắn hạn

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.860.584.833	14.429.927.911
Tăng trong năm	-	700.000.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(269.343.078)	(269.343.078)
Tổng cộng	14.591.241.755	14.860.584.833

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	64.398.444.317	20.698.843.678
Người mua trả tiền trước	9.764.881.040	17.532.723.983
Tổng cộng	74.163.325.357	38.231.567.661

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Giang đến 31/12/2012 là 1.177.644.252 – xem thêm mục 8.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	646.909.476	4.133.355.825
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	212.485.216	-
Thuế xuất nhập khẩu	144.081.103	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.083.696.136	7.021.838.652
Thuế thu nhập cá nhân	1.363.843.654	1.737.489.588
Tổng cộng	6.451.015.585	12.892.684.065

5.13. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Hoa hồng bản quyền	9.633.840.692	5.423.708.944
Chi phí du lịch	1.196.037.249	8.000.000.000
Chương trình khuyến mãi chung Công ty	5.000.000.000	3.500.000.000
Chi phí phải trả khác	13.127.992.282	14.402.408.485
Tổng cộng	28.957.870.223	31.326.117.429

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	823.460.644	769.886.843
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	400.000.000	100.000.000
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	163.297.101	1.117.881.391
Thu trả trước tiền hàng	1.266.055.956	2.987.715.943
Phải trả khác	77.821.193	248.186.740
Tổng cộng	2.730.634.894	5.223.670.917

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	8.814.415.507	376.985.472
Trích lập trong năm	2.864.846.380	20.069.849.329
Tặng khác	21.081.639	1.409.111.100
Sử dụng trong năm	(8.586.994.638)	(13.041.530.394)
Số dư cuối năm	3.113.348.888	8.814.415.507

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Vốn chủ sở hữu							
5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	116.598.200.000	267.450.449.609	2.420.789.142	-	(1.287.881.759)	123.612.462.710	80.465.662.197
Tăng vốn trong năm	35.546.800.000	62.654.710.000	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	77.606.045.576
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(2.209.806.000)	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	-	-	33.974.096.191	(54.043.945.520)
Tăng khác	-	-	-	-	3.091.995.235	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(1.940.290.378)	-	(500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(34.421.716.677)
Số dư đầu năm nay	152.145.000.000	330.105.159.609	2.420.789.142	(2.209.806.000)	(136.176.902)	157.586.558.901	69.106.045.576
Tăng vốn trong năm	14.913.100.000	(14.913.100.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	77.613.706.411
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(9.628.460.000)	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	-	-	32.283.483.486	(35.148.329.866)
Tăng khác	-	-	-	-	136.176.902	440.000.000	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(8.676.177.537)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(51.855.115.710)
Số dư cuối năm	167.058.100.000	315.192.059.609	2.420.789.142	(11.838.266.000)	-	181.633.864.850	59.716.306.411
							714.182.854.012

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.2. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	16.705.810	16.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	16.705.810	15.214.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(300.000)	(59.890)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	16.405.810	15.154.610

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	77.613.706.411	77.606.045.576
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	15.472.328	14.551.807
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.016	5.333

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	8.682.720.621	3.698.007.962
Doanh thu hàng sản xuất	700.301.862.063	668.596.427.937
Doanh thu hàng nhượng quyền	102.852.393.853	77.246.585.524
Doanh thu hàng ngoại nhập	2.162.261.824	19.953.997.466
Doanh thu hàng mua bán khác	5.692.068.183	7.602.673.330
Hàng bán bị trả lại	(1.569.595.135)	(732.661.209)
Doanh thu thuần	818.121.711.409	776.365.031.010

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng xuất khẩu	4.898.185.400	1.379.533.710
Giá vốn hàng sản xuất	348.872.982.423	306.693.033.529
Giá vốn hàng nhượng quyền	79.188.300.656	54.514.388.718
Giá vốn hàng ngoại nhập	2.053.199.664	18.793.741.195
Giá vốn hàng mua bán khác	5.504.651.350	7.049.425.063
Tổng cộng	440.517.319.493	388.430.122.215

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.695.234.044	8.243.941.495
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.252.677.700	1.051.846.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.987.493.903	3.434.866.674
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	726.719.579	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	64.398.406	210.310.008
Tổng cộng	11.726.523.632	12.940.964.977

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	529.808.379	722.582.372
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	2.964.024.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	346.958.647	5.369.401.120
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	195.934.029	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	3.682.225.538	(3.007.838.638)
Chiết khấu thanh toán	2.729.230.071	1.129.690.522
Chi phí hoạt động tài chính khác	65.468.301	-
Tổng cộng	7.549.624.965	7.177.859.476

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.365.156.828	1.136.611.889
Chi phí nhân viên bán hàng	35.380.652.277	51.304.866.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.219.096.726	3.951.397.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.337.739.416	26.896.219.421
Chi phí khác	149.182.626.184	151.293.168.016
Tổng cộng	215.485.271.431	234.582.263.339

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.979.715.062	1.536.076.533
Chi phí nhân viên quản lý	24.778.078.913	26.725.056.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.106.658.628	1.431.227.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.167.777.071	4.716.583.332
Chi phí khác	16.664.635.206	13.688.745.479
Trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ	11.500.000.000	-
Tổng cộng	61.196.864.880	48.097.690.050

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán phế liệu, công cụ	152.050.151	126.150.175
Thu nhập do giảm giá hàng mua	215.011.626	1.839.516.304
Xử lý hàng thừa khi kiểm kê	424.556.105	376.714.981
Thanh lý nhượng bán tài sản	547.338.433	1.305.454.545
Thu nhập khác	1.310.257.745	720.989.534
Tổng cộng	2.649.214.060	4.368.825.539

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Xuất hàng thanh lý	1.140.026.110	1.655.621.719
Bán quyền sử dụng đất	-	44.393.325
Thanh lý nhượng bán tài sản	16.983.763	58.053.325
Xử lý hàng thiếu khi kiểm kê	129.906.925	118.046.091
Chi phí khác	2.826.151.228	3.023.009.223
Tổng cộng	4.113.068.026	4.899.123.683

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước khi trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	115.135.300.306	110.487.762.763
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	(11.500.000.000)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	103.635.300.306	110.487.762.763
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.703.752.982	22.090.952.784
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(2.252.677.700)	(1.051.846.800)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	104.086.375.588	131.526.868.747
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	26.021.593.895	32.881.717.187
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	26.021.593.895	32.881.717.187

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập và chi phí được trừ khi tính thuế như: cổ tức, lợi nhuận được chia, chi phí không hợp lý hợp lệ.

(Phần tiếp theo ở trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.370.937.729	299.119.978.145
Chi phí nhân công	113.853.956.735	97.812.908.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.802.613.766	28.273.373.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.878.297.138	59.941.621.325
Chi phí khác bằng tiền	181.930.267.214	179.248.483.375
Tổng cộng	705.836.072.582	664.396.364.435

7. Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bởi vì lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm là sản xuất và mua bán dược phẩm. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu trong nước, hoạt động xuất khẩu chiếm tỉ lệ nhỏ. Theo chuẩn mực kế toán số 28, bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Imexpharm thực hiện qui trình sản xuất kinh doanh khép kín, toàn bộ đầu vào được ghi nhận ở văn phòng Công ty. Các đơn vị trực thuộc chỉ thực hiện việc bán hàng, hạch toán báo sổ phụ thuộc. Việc hạch toán về tài sản, doanh số, kết quả kinh doanh cũng như chi phí đều tập trung tại văn phòng Công ty. Do đó, không có rủi ro theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh.

Với những lý do nêu trên nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trong thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần dược phẩm An Giang	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.3	6.993.599.892	7.079.964.611
Phải trả - Xem thêm mục 5.11	1.177.644.252	118.835.606

(Phần tiếp theo ở trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải thu tiền bán hàng	3.723.427.987	3.479.377.338
Thu tiền hàng	3.158.400	-
Phải trả phí gia công	8.637.082.569	5.787.294.097
Trả tiền phí gia công	4.000.000.000	2.042.201.849
Bù trừ công nợ phải thu	3.577.679.923	8.655.325.090
Bù trừ công nợ phải trả	3.806.085.646	4.286.893.439
Nhận hàng trả lại	594.000	-
Mua hàng	56.209.245	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	2.886.000.000	1.365.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	7.063.982.700	7.843.418.023
Tổng cộng	9.949.982.700	9.208.418.023

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.127.216.023	140.281.015.336
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.650.654.306	166.177.963.480
Đầu tư ngắn hạn	6.852.998.250	3.034.744.538
Đầu tư dài hạn	6.788.858.000	13.228.858.000
Tổng cộng	328.419.726.579	322.722.581.354
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	3.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	64.798.444.317	20.798.843.678
Chi phí phải trả	28.957.870.223	31.326.117.429
Tổng cộng	93.756.314.540	55.624.961.107

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	2,394,361.42	769,679.98	505.995,87	900,747.69
Euro (EUR)	118,364.11	53,017.43	-	-

▪ Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu được theo dõi và đôn đốc thu hồi rất chặt chẽ.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	64.798.444.317	-	64.798.444.317
Chi phí phải trả	28.957.870.223	-	28.957.870.223
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	20.798.843.678	-	20.798.843.678
Chi phí phải trả	31.326.117.429	-	31.326.117.429
Các khoản vay	3.500.000.000	-	3.500.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.650.654.306	-	192.650.654.306
Các khoản đầu tư	6.852.998.250	6.788.858.000	13.641.856.250
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.177.963.480	-	166.177.963.480
Các khoản đầu tư	3.034.744.538	13.228.858.000	16.263.602.538

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 01 năm 2013.

Cao Lãnh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

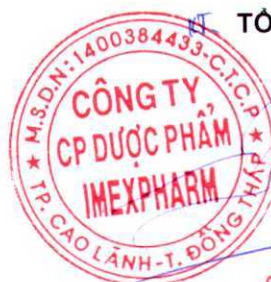
KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHAN HOÀNG MINH TRÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CN. Nguyễn Quốc Định